

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS-ST

Ngày: 17-02-2022

*“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mầm.

Ông Nguyễn Tấn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2021 về việc: *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Ngọc H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện C, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Kim Chan Đa Ra – sinh năm 1987. (có mặt)

Địa chỉ: Số 124 Lý Tự Trọng, khu đô thị Tài Lộc, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thanh N, sinh năm 1971. (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện C, tỉnh C ..

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Triệu Tấn K (chồng bà N), sinh năm 1971. (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện C, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn – bà Trần Ngọc H và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Vào ngày 19/01/2021 âm lịch bà H có cho bà Bùi Thanh N vay với số tiền là 550.000.000 đồng, việc vay tiền bà N có ký vào giấy nợ, lãi suất theo thỏa thuận,

để đảm bảo cho việc vay tiền thì bà N đã giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vợ chồng bà Bùi Thanh N và ông Triệu Tấn K đứng tên cho bà H quản lý để làm tin.

Từ khi vay đến nay thì bà N không đóng lãi đầy đủ và cũng chưa trả được số tiền vốn vay.

Đến ngày 25/02/2021 âm lịch bà Bùi Thanh N tiếp tục hỏi vay của bà H với số tiền là 80.000.000 đồng, thời hạn vay là 120 ngày, thỏa thuận góp 800.000 đồng cho đến khi đủ 120 ngày, bà N góp được 21 ngày với số tiền là 16.800.000 đồng, còn lại 99 ngày x 800.000 đồng = 79.200.000 đồng và số tiền bà N góp thiếu là 7.900.000 đồng.

Việc vay tiền thì bà N nói là phục vụ cho việc mua bán và sinh hoạt chung trong gia đình, việc vay tiền trong thời kỳ hôn nhân giữa bà N và ông K.

Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Bùi Thanh N và ông Triệu Tấn K có trách nhiệm trả tổng số tiền vốn vay là 637.100.000 đồng. Ngoài ra, bà H không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn - bà Bùi Thanh N trình bày:*

Bà N có vay tiền của bà H nhiều lần trong 06 năm và bà trả góp hàng ngày nhưng không nhớ rõ cụ thể số tiền vay là bao nhiêu, mục đích vay tiền là để phục vụ mua bán, sinh hoạt trong gia đình, việc góp hàng ngày không đầy đủ nên vào ngày 19 tháng 01 năm 2021 âm lịch bà N tổng kết lại và ký giấy nợ là còn nợ vốn vay bà H với số tiền 550.000.000 đồng, phía bà N có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng bà N và ông K để làm tin.

Ngày 25/02/2021 âm lịch bà N tiếp tục hỏi vay tiền góp hàng ngày với số tiền 87.100.000 đồng, Bà N cho rằng bà đã góp được 21 ngày x 800.000 đồng/ngày = 16.800.000 đồng, đối trừ thì khoản tiền này bà N còn nợ là 70.300.000 đồng.

Vậy bà Bùi Thanh N còn nợ và đồng ý trả bà Trần Ngọc H với tổng số tiền vay là 550.000.000 đồng + 70.300.000 đồng = 620.300.000 đồng.

** Ông Triệu Tấn K trình bày:* Ông K không đồng ý với yêu cầu của bà H, việc vợ ông là Bùi Thanh N vay tiền của bà H như thế nào ông không biết và ông cũng không ký nhận vào biên nhận nợ gì cả. Nên không đồng ý cùng với bà N trả nợ cho bà H số tiền nêu trên.

** Tại phiên tòa:*

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Ngọc H trình bày yêu cầu: Bà H yêu cầu vợ chồng bà Bùi Thanh N và ông Triệu Tấn K thanh toán tổng số tiền vốn vay còn nợ là 620.300.000 đồng.

- Bà Bùi Thanh N trình bày: Bà Bùi Thanh N đồng ý trả cho bà Trần Ngọc H tổng số tiền vốn vay còn nợ là 620.300.000 đồng.

- Ông Triệu Tấn K trình bày: Ông K không đồng ý với yêu cầu của bà H, ông không có ký tên nhận nợ và cũng không biết về số nợ này; tại phiên hòa hôm

nay thì vợ ông là bà N đã thừa nhận và đồng ý thanh toán cho bà H tổng số tiền vay còn nợ là 620.300.000 đồng, thì với nghĩa vụ là người chồng thì ông cũng có trách nhiệm trả số nợ trên, nhưng ông làm được bao nhiêu tiền thì ông đưa cho bà N để trả cho bà H, tùy theo khả năng của ông K; ông K không đồng ý liên đới thanh toán với bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà H yêu cầu vợ chồng ông K và bà N cư trú tại: khóm 1 – thị trấn Cái Nước – huyện Cái Nước trả số tiền vay còn nợ. Như vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét về trình bày của các đương sự:

Vào năm 2019 bà H cho bà N nhiều lần, sau khi đối chiếu nợ thì bà N còn nợ lại với tổng số tiền 620.300.000 đồng, nay bà H yêu cầu vợ chồng bà Bùi Thanh N và ông Triệu Tấn K có trách nhiệm liên đới thanh toán tổng số tiền vay còn nợ là 620.300.000 đồng.

Bà Bùi Thanh N thừa nhận còn thiếu bà H tổng số tiền vay là 620.300.000 đồng và đồng ý thanh toán.

Ông Triệu Tấn K không đồng ý cùng với bà N thanh toán số tiền vay của bà H, do ông K không ký nhận nợ và không biết số nợ này. Tuy nhiên, ông K sẽ tiếp bà N trả nợ cho bà H tùy theo khả năng của mình.

Căn cứ vào tất cả tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Bà Bùi Thanh N có hỏi của bà Trần Ngọc H tổng số tiền vốn vay và còn nợ với số tiền là 620.300.000 đồng là thực tế xảy ra, được thể hiện qua biên nhận nợ bà N ký tên và bà N đã thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

- Việc vay tiền thì bà N đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ chồng bà N ông K để làm tin.

- Trong thời gian vay tiền đến khi xét xử vụ án thì mối quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà N vẫn còn tồn tại, tại phiên tòa ông K đồng ý tiếp bà N trả nợ cho bà H, nhưng không đồng ý liên đới trả; đối với số nợ này được xác định là nợ

chung trong thời kỳ hôn nhân, nên ông K phải có nghĩa vụ đối với số nợ chung trong thời kỳ hôn nhân là đúng theo quy định pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc H, buộc vợ chồng bà Bùi Thanh N và ông Triệu Tấn K phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà H tổng số tiền vay còn nợ là 620.300.000 đồng.

Trường hợp vợ chồng bà N và ông K chậm thanh toán số tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Buộc vợ chồng bà Bùi Thanh N và ông Triệu Tấn K phải liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch với số tiền = 28.812.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

- Bà H nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

[3.3] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.
- Các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự.
- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc H đối với vợ chồng bà Bùi Thanh N và ông Triệu Tấn K về việc thanh toán tiền vay.

Buộc vợ chồng bà Bùi Thanh N và ông Triệu Tấn K phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Trần Ngọc H tổng số tiền vay còn nợ là 620.300.000 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp vợ chồng bà N và ông K chậm thanh toán số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi với mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc vợ chồng bà Bùi Thanh N và ông Triệu Tấn K phải liên đới chịu án phí với số tiền là 28.812.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

- Phần bà Trần Ngọc H nộp tạm ứng án phí với số tiền là 14.740.000 tại biên lai thu tiền số 0006376 ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước, bà H được nhận lại toàn bộ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Tuấn